

Số: 264/2018/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 07 năm 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Tỏ, khu phố Long Điền, phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: tổ 8, ấp 1, xã An Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giữa bà H và ông T có 02 người con chung tên:

- Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 07/01/2000.

- Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 08/5/2005.

Giao cháu P cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính ngày 01/3/2018 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Cháu Hoàng A đã trưởng thành có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm hòa giải thành: Bà H tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng thay ông T, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 003927 ngày 25 tháng 12 năm 2017.

Về án phí chia tài sản: Hoàn trả cho bà H số tiền 5.675.000đ bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 003928 ngày 25 tháng 12 năm 2017.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND xã An Hòa,
TP. B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Minh